

HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ - XỬ LÝ CÁC TÌNH HUỐNG PHÁT SINH CỤ THỂ DỰA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 123/2020/NĐ-CP VÀ THÔNG TƯ SỐ 78/2021/TT-BTC

● HỒ THỊ BÍCH NHƠN - TRẦN MINH NGỌC - TRẦN ĐÌNH SƠN ANH MINH

TÓM TẮT:

Bài nghiên cứu chỉ ra những điểm mới trong quá trình chuyển đổi hóa đơn điện tử (HĐĐT), chỉ ra điểm khác biệt giữa Thông tư số 78/2021/TT-BTC và Thông tư số 32/2011/TT-BTC nhằm giúp doanh nghiệp xử lý các tình huống phát sinh cụ thể theo đúng chỉ dẫn của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

Từ khóa: hóa đơn điện tử, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

1. Đặt vấn đề

Ứng dụng HĐĐT trong doanh nghiệp đã bắt đầu sử dụng rộng rãi trong giao dịch mua bán với sự hỗ trợ của máy tính, phần mềm. Bài viết ra đời trong ngữ cảnh Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 206/QĐ-BTC về việc triển khai áp dụng HĐĐT tại hầu hết các tỉnh thành trên cả nước; theo quy định của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Thông tư số 78/2021/TT-BTC. Việc chuyển đổi này đã làm cho nhiều doanh nghiệp gặp bối rối khi xử lý các tình huống phát sinh cụ thể.

Trong bài viết này, tác giả nêu bật những điểm mới trong quá trình chuyển đổi HĐĐT thông qua việc so sánh các điểm khác biệt giữa quy định cũ và quy định mới liên quan đến HĐĐT cụ thể như sau: phân biệt HĐĐT có mã xác thực và không có mã xác thực của cơ quan thuế; thời điểm lập HĐĐT trong các trường hợp cụ thể; xử lý HĐĐT bị sai sót trong từng trường hợp cụ thể.

2. Phân biệt hóa đơn điện tử có mã xác thực và không có mã xác thực

Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Điều 5 - Điều 6 Thông tư số 78/2021/TT-BTC đã trình bày về sự khác nhau giữa HĐĐT có mã xác thực của cơ quan thuế và HĐĐT không có mã xác thực của cơ quan thuế. Cụ thể:

- Về đối tượng sử dụng:

+ HĐĐT có mã xác thực của cơ quan thuế: Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh không thuộc đối tượng ngừng sử dụng hóa đơn theo quy định (trừ trường hợp sử dụng HĐĐT không có mã của cơ quan thuế và trường hợp được cơ quan thuế cấp HĐĐT có mã theo từng lần phát sinh). Hộ kinh doanh (HKD), cá nhân kinh doanh (CNKD) khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, là HKD, CNKD quy mô lớn hoặc HKD, CNKD xác định được doanh thu khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (HKD, CNKD nộp thuế theo phương pháp

kê khai, thực hiện chế độ kế toán). HKD, CNKD không đáp ứng điều kiện phải sử dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế, nhưng cần có hóa đơn để giao khách hàng.

+ HĐĐT không có mã xác thực của cơ quan thuế: Doanh nghiệp kinh doanh trong các lĩnh vực điện lực; xăng dầu; bưu chính viễn thông; vận tải đường không, đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường biển; kinh doanh nước sạch; tổ chức tài chính tín dụng, bảo hiểm, y tế; kinh doanh thương mại điện tử, siêu thị. Tuy nhiên, các đối tượng này phải đạt các yêu cầu sau: Có hệ thống phần mềm kế toán, phần mềm lập HĐĐT, tổ chức lưu trữ dữ liệu HĐĐT theo quy định, đảm bảo việc truyền dữ liệu HĐĐT đến người mua và cơ quan thuế nhanh chóng.

- Về hình thức hóa đơn:

+ HĐĐT có mã xác thực của cơ quan thuế: Có mã xác thực và số xác thực riêng biệt được mã hóa, tạo và cung cấp bởi hệ thống xác thực hóa đơn của Tổng cục Thuế. Có mã vạch QR giúp khách hàng kiểm tra thông tin có trên hóa đơn.

+ HĐĐT không có mã xác thực của cơ quan thuế: Không có mã xác thực, các thông tin khác vẫn giống với HĐĐT có mã xác thực của cơ quan thuế.

- Về điều kiện sử dụng:

+ HĐĐT có mã xác thực của cơ quan thuế: Doanh nghiệp đang hoạt động, có mã của cơ quan thuế; Doanh nghiệp có chứng thư số còn hiệu lực; Doanh nghiệp có khả năng kết nối internet.

+ HĐĐT không có mã xác thực của cơ quan thuế: Doanh nghiệp đang hoạt động, có đủ điều kiện để lập HĐĐT; Doanh nghiệp đáp ứng hạ tầng và hệ thống dịch vụ; Doanh nghiệp có chữ ký số còn hiệu lực; Doanh nghiệp thường xuyên giao dịch với ngân hàng và cơ quan thuế.

- Về cách sử dụng HĐĐT:

+ HĐĐT có mã xác thực của cơ quan thuế: Doanh nghiệp lập hóa đơn, ký số trên HĐĐT đã lập. Doanh nghiệp gửi HĐĐT đã ký số cho cơ quan thuế để cấp mã xác thực. Hệ thống cấp mã của Tổng cục Thuế sẽ tự động cấp mã hóa đơn và gửi kết quả cho người gửi. Doanh nghiệp gửi HĐĐT đã có mã xác thực cho khách hàng.

+ HĐĐT không có mã xác thực của cơ quan

thuế: Doanh nghiệp lập hóa đơn, ký số trên HĐĐT đã lập. Doanh nghiệp gửi HĐĐT cho khách hàng. Doanh nghiệp tự lưu trữ HĐĐT và xuất trình khi cơ quan thuế yêu cầu.

Sau khi chỉ ra sự khác biệt giữa 2 loại HĐĐT, có thể thấy với HĐĐT có mã xác thực của cơ quan thuế, doanh nghiệp không cần lập báo cáo tình hình sử dụng HĐĐT hàng kỳ. Với HĐĐT không có mã xác thực của cơ quan thuế, doanh nghiệp có thể chủ động trong việc xuất hóa đơn, tránh tình trạng nghẽn mạng của Tổng cục Thuế.

Tuy nhiên, điểm hạn chế của 2 loại HĐĐT này là: với HĐĐT có mã xác thực của cơ quan thuế, doanh nghiệp phải phụ thuộc vào đường truyền của Tổng cục Thuế để xác thực hóa đơn trước khi gửi cho khách hàng. Với HĐĐT không có mã xác thực của cơ quan thuế, doanh nghiệp phải tự lưu trữ HĐĐT và xuất trình khi cơ quan thuế yêu cầu và phải lập báo cáo tình hình sử dụng HĐĐT hàng kỳ.

3. Thời điểm lập hóa đơn điện tử

Theo Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì thời điểm ký số trên HĐĐT là thời điểm người bán, người mua sử dụng chữ ký số để ký trên HĐĐT được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm của năm dương lịch.

Trường hợp HĐĐT đã lập có thời điểm ký số trên hóa đơn khác thời điểm lập hóa đơn thì đối với người bán thời điểm khai thuế là thời điểm lập hóa đơn, còn đối với người mua thời điểm khai thuế là thời điểm nhận hóa đơn.

Theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Thông tư số 32/2011/TT-BTC, Thông tư số 39/2014/TT-BTC, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Thông tư số 78/2021/TT-BTC, thời điểm lập HĐĐT đối với các trường hợp cụ thể như sau:

- Về hoạt động bán hàng hóa: Thời điểm lập HĐĐT là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

- Về giao hàng từng lần hoặc bàn giao từng hạng mục, công đoạn dịch vụ: Trường hợp giao hàng nhiều lần hoặc bàn giao từng hạng mục, công đoạn dịch vụ thì mỗi lần giao hàng hoặc bàn giao đều phải lập hóa đơn cho khối lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ được giao tương ứng.

- Về hoạt động cung cấp dịch vụ điện/nước/truyền hình/mạng theo từng kỳ nhất định: Thời điểm lập HĐĐT là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá 7 ngày kế tiếp kể từ ngày ghi chỉ số điện, nước tiêu thụ hoặc ngày kết thúc kỳ quy ước đối với việc cung cấp dịch vụ viễn thông, truyền hình, dịch vụ công nghệ thông tin.

- Về dịch vụ Viễn thông/Công nghệ thông tin: Thời điểm lập HĐĐT là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu về cước dịch vụ theo hợp đồng kinh tế giữa các bên nhưng chậm nhất không quá 2 tháng kể từ tháng phát sinh cước dịch vụ kết nối. Trường hợp bán thẻ trả trước, thu cước phí hòa mạng khi khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ nhưng khách hàng không yêu cầu xuất hóa đơn GTGT. Cuối mỗi ngày hoặc định kỳ trong tháng, cơ sở kinh doanh dịch vụ lập chung một hóa đơn GTGT ghi nhận tổng doanh thu phát sinh theo từng dịch vụ người mua không lấy hóa đơn hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế.

- Về hoạt động xây dựng, xây lắp: Thời điểm lập HĐĐT là thời điểm nghiệm thu bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành. Không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

- Về hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây nhà để bán, chuyển nhượng: Trường hợp chưa giao quyền sở hữu, quyền sử dụng nhưng có thực hiện thu tiền theo tiến độ dự án/hợp đồng, thời điểm lập HĐĐT là ngày thu tiền hoặc theo thỏa thuận thanh toán trong hợp đồng. Trường hợp bàn giao từng hạng mục, công đoạn thì mỗi lần bàn giao đều phải lập hóa đơn cho khối lượng bàn giao tương ứng.

- Về hoạt động bán lẻ xăng dầu tại các cửa hàng cho khách hàng: Thời điểm lập HĐĐT đối với trường hợp bán xăng dầu tại các cửa hàng bán lẻ cho khách hàng là thời điểm kết thúc việc bán xăng dầu theo từng lần bán. Người bán phải đảm bảo lưu trữ đầy đủ HĐĐT đối với trường hợp bán xăng dầu cho khách hàng là cá nhân không kinh doanh, cá nhân kinh doanh và đảm bảo có thể tra cứu khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

- Về hoạt động xuất khẩu: Thời điểm lập

HĐĐT là thời điểm xuất hóa đơn hàng xuất khẩu là ngày chuyển giao hàng cho khách hàng. Ngày xác định doanh thu xuất khẩu để tính thuế là ngày xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan.

- Về trường hợp cung cấp dịch vụ vận tải hàng không, dịch vụ bảo hiểm qua đại lý: Đối với trường hợp cung cấp dịch vụ vận tải hàng không, dịch vụ bảo hiểm qua đại lý, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 10 của tháng sau tháng phát sinh.

4. Xử lý hóa đơn điện tử khi bị sai sót

4.1. Các khái niệm cần lưu ý

- Hủy HĐĐT: Theo khoản 10 Điều 3 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, hủy hóa đơn chứng từ là làm cho hóa đơn, chứng từ đó không có giá trị sử dụng. HĐĐT đã hủy không có giá trị sử dụng nhưng vẫn phải lưu trữ để phục vụ tra cứu.

- Tiêu hủy HĐĐT: Theo khoản 11 Điều 3 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, tiêu hủy hóa đơn chứng từ điện tử là biện pháp làm cho HĐĐT, chứng từ điện tử đó không còn tồn tại trên hệ thống thông tin, không thể truy cập và tham chiếu đến thông tin chứa HĐĐT, chứng từ điện tử.

- Mẫu 04/SS-HĐĐT: Thông báo HĐĐT có sai sót dành cho Người nộp thuế sử dụng gửi cho cơ quan thuế thông tin của các HĐĐT có sai sót.

- Mẫu 01/TB-SSĐT: Thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc HĐĐT đã lập có sai sót. Cơ quan thuế sẽ gửi người nộp thuế kết quả tiếp nhận và kết quả xử lý theo mẫu 04/SS-HĐĐT.

- Mẫu 01/TH-HĐĐT: Bảng tổng hợp dữ liệu HĐĐT.

4.2. Các trường hợp cụ thể

Trường hợp 1: Người bán phát hiện HĐĐT chưa gửi người mua có sai sót.

- Theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC: người bán tự chỉnh sửa lại thông tin trên HĐĐT rồi gửi cho người mua.

- Theo Thông tư số 78/2021/TT-BTC:

+ Với HĐĐT có mã xác thực của cơ quan thuế: Phải đủ 3 điều kiện (HĐĐT có sai sót, HĐĐT có mã của CQT và đã được cấp mã, HĐĐT chưa gửi người mua); người nộp thuế thực hiện thông báo với

cơ quan thuế về việc hủy HĐĐT đã cấp mã có sai sót theo mẫu số 04/SS-HĐĐT; cơ quan thuế hủy HĐĐT đã cấp mã có sai sót trên hệ thống; người nộp thuế lập HĐĐT mới, ký số, ký điện tử và gửi cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn mới thay thế hóa đơn đã lập để gửi cho người mua.

+ Với HĐĐT không có mã xác thực của cơ quan thuế: Hủy HĐĐT đã lập có sai sót; Lập HĐĐT mới gửi cho người mua. HĐĐT đã hủy phải được lưu trữ phục vụ cho việc tra cứu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp 2: Người bán phát hiện HĐĐT đã gửi người mua có sai sót. Hóa đơn này người mua chưa kê khai thuế.

- Theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC: Hủy HĐĐT sau khi có sự đồng ý của người bán và người mua; HĐĐT đã hủy phải được lưu trữ phục vụ cho việc tra cứu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Người bán lập HĐĐT mới để gửi người mua. Trên HĐĐT này phải có dòng chữ “Hóa đơn này thay thế hóa đơn số... ký hiệu... gửi ngày tháng năm”.

- Theo Thông tư số 78/2021/TT-BTC:

+ Với HĐĐT có mã xác thực của cơ quan thuế: HĐĐT có mã xác thực của cơ quan thuế khi đã phát hành sẽ xem như đã kê khai thuế.

+ Với HĐĐT không có mã xác thực của cơ quan thuế: HĐĐT không có mã xác thực của cơ quan thuế khi đã phát hành sẽ xem như đã kê khai thuế do phải gửi cho cơ quan thuế cùng thời điểm gửi cho người mua.

Trường hợp 3: Người bán phát hiện HĐĐT đã gửi người mua có sai sót THÔNG TIN KHÔNG QUAN TRỌNG (tên, địa chỉ người mua).

- Theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC: Không có quy định.

- Theo Thông tư số 78/2021/TT-BTC:

Bước 1: Người bán/NNT thông báo cho người mua.

Bước 2: Người bán/NNT thông báo với cơ quan thuế về sai sót này theo mẫu 04/SS-HĐĐT.

Bước 3: Người bán/NNT không phải lập HĐĐT điều chỉnh.

Bước 4: Cơ quan thuế sẽ gửi người nộp thuế mẫu 01/TB-SSĐT Tiếp nhận/Không tiếp nhận Thông báo HĐĐT có sai sót ngày,...

Bước 5: Người bán/Người nộp thuế gửi cho người mua kết quả đã thông báo cho cơ quan thuế về sai sót.

Trường hợp 4: Người bán phát hiện HĐĐT đã gửi người mua có sai sót THÔNG TIN QUAN TRỌNG (mã số thuế, số tiền, thuế suất, tiền thuế, hàng hóa).

- Theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC:

+ Người bán và người mua lập văn bản thỏa thuận có chữ ký điện tử của cả hai bên, ghi rõ sai sót.

+ Người bán lập HĐĐT điều chỉnh ghi rõ sai sót.

+ HĐĐT lập sau ghi rõ điều chỉnh (tăng, giảm) số lượng hàng hóa, giá bán, thuế suất thuế GTGT... cho HĐĐT số..., ký hiệu....

+ Căn cứ vào HĐĐT điều chỉnh, người bán và người mua thực hiện kê khai điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và hóa đơn hiện hành.

+ Hóa đơn điều chỉnh không được ghi số âm (-)

- Theo Thông tư số 78/2021/TT-BTC: Lưu ý 1 - HĐĐT bị điều chỉnh phải đảm bảo chưa bị hủy, chưa bị thay thế. Lưu ý 2 - Người bán và người mua chỉ lập văn bản thỏa thuận về việc lập hóa đơn điều chỉnh/thay thế khi trước đó có thỏa thuận về việc lập văn bản. Không cần văn bản thỏa thuận thì Người bán/Người nộp thuế vẫn lập được hóa đơn điều chỉnh/thay thế.

Cách 1: Lập hóa đơn điều chỉnh

Bước 1: Người nộp thuế dùng chức năng lập hóa đơn điều chỉnh để lập HĐĐT mới, điều chỉnh cho hóa đơn bị sai. Hóa đơn điều chỉnh phải có dòng chữ “Điều chỉnh cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm...”.

Bước 2: NNT không gửi mẫu 04/SS-HĐĐT cho cơ quan thuế.

Bước 3: Sau khi NNT lập hóa đơn điều chỉnh và truyền dữ liệu cho cơ quan thuế thì hệ thống của cơ quan thuế tự động cập nhật trạng thái của hóa đơn. Hóa đơn sai: có trạng thái “Hóa đơn đã bị điều chỉnh”. Hóa đơn điều chỉnh: có trạng thái “Hóa đơn điều chỉnh”. Đối với nội dung về giá trị trên hóa đơn điều chỉnh: nếu điều chỉnh tăng thì ghi DẤU DƯƠNG, nếu điều chỉnh giảm thì ghi DẤU ÂM đúng với thực tế điều chỉnh.

Cách 2: Lập hóa đơn thay thế

Bước 1: Người nộp thuế dùng chức năng lập hóa đơn THAY THẾ để lập HĐĐT mới, thay thế cho hóa đơn bị sai. Hóa đơn thay thế phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm...”

Bước 2: NNT không gửi mẫu 04/SS-HĐĐT cho cơ quan thuế.

Bước 3: Sau khi người nộp thuế lập hóa đơn điều chỉnh và truyền dữ liệu cho cơ quan thuế thì hệ thống của cơ quan thuế tự động cập nhật trạng thái của hóa đơn. Hóa đơn sai: có trạng thái “Hóa đơn đã bị thay thế”. Hóa đơn điều chỉnh: có trạng thái “Hóa đơn thay thế”.

Trường hợp 5: Cơ quan thuế phát hiện ra sai sót và thông báo tới bên bán.

- Theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC: Không có quy định cụ thể.

- Theo Thông tư số 78/2021/TT-BTC:

Bước 1: Cơ quan thuế thông báo cho Người bán/Người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-RSĐT.

Bước 2: Người bán/NNT thông báo cho cơ quan thuế theo mẫu số 04/SS-HĐĐT.

Bước 3: Thực hiện xử lý HĐĐT bị sai sót tương tự các trường hợp ở trên.

Trường hợp 6:

- Theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC: Không có quy định cụ thể.

- Theo Thông tư số 78/2021/TT-BTC:

Bước 1: Người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót trước khi lập hóa đơn thay thế.

Bước 2: Người nộp thuế dùng chức năng lập hóa đơn THAY THẾ để lập HĐĐT mới, thay thế cho hóa đơn bị sai. Hóa đơn thay thế phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm...”

Bước 3: Người nộp thuế lập mẫu 04/SS-HĐĐT gửi cơ quan thuế.

Bước 4: Cơ quan thuế sẽ gửi cho NNT mẫu 01/TB-SSĐT, trong đó ghi rõ Tiếp nhận/Không tiếp nhận Thông báo HĐĐT có sai sót ngày...

5. Kết luận

Bài nghiên cứu đã phân biệt HĐĐT có mã xác thực và không có mã xác thực của cơ quan thuế theo Thông tư số 78/2021/TT-BTC; thời điểm lập HĐĐT trong các trường hợp cụ thể; xử lý HĐĐT bị sai sót trong từng trường hợp cụ thể giữa Thông tư số 32/2011/TT-BTC và Thông tư số 78/2021/TT-BTC nhằm giúp doanh nghiệp xử lý các tình huống phát sinh cụ thể theo đúng chỉ dẫn của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Thông tư số 78/2021/TT-BTC ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Tài chính (2011). *Thông tư số 32/2011/TT-BTC hướng dẫn khởi tạo, phát hành, sử dụng HĐĐT bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.*
2. Chính phủ (2014). *Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP - Quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.*
3. Bộ Tài chính (2014). *Thông tư số 39/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP về hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.*
4. Bộ Tài chính (2015). *Thông tư số 26/2015/TT-BTC sửa đổi bổ sung cho Thông tư số 39/2014/TT-BTC.*
5. Bộ Tài chính (2017). *Thông tư số 37/2017/TT-BTC sửa đổi bổ sung cho Thông tư số 39/2014/TT-BTC và Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*
6. Bộ Tài chính (2015). *Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 12/06/2015 thí điểm sử dụng HĐĐT có mã xác thực của cơ quan Thuế.*
7. Bộ Tài chính (2018). *Quyết định số 526/QĐ-BTC ban hành ngày 16/04/2018 mở rộng phạm vi thí điểm sử dụng HĐĐT có mã xác thực của cơ quan Thuế.*
8. Chính phủ (2018), *Nghị định số 119/2018/NĐ-CP quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.*

9. Bộ Tài chính (2019). *Thông tư số 68/2019/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 119/2018/NĐ-CP về thực hiện hóa đơn điện tử.*

10. Tổng cục Thuế (2021). *Quyết định số 1417/QĐ-TCT thông báo kế hoạch triển khai áp dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP tại 06 Tỉnh, Thành phố.*

11. Bộ Tài chính (2022). *Quyết định số 206/QĐ-BTC về việc triển khai áp dụng hóa đơn điện tử theo Thông tư 78/2021/TT-BTC tại 57 Tỉnh Thành phố trực thuộc Trung ương.*

12. Chính phủ (2020). *Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn chứng từ.*

13. Bộ Tài chính (2021). *Thông tư số 78/2021/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý Thuế 2019 và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP về hóa đơn, chứng từ.*

Ngày nhận bài: 8/3/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 4/4/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 14/4/2022

Thông tin tác giả:

1. ThS. HỒ THỊ BÍCH NHƠN

2. ThS. TRẦN MINH NGỌC

3. ThS. TRẦN ĐÌNH SƠN ANH MINH

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

E-INVOICE - HANDLING SPECIFIC ARISING SITUATIONS IN ACCORDANCE WITH THE GUIDELINES OF THE DECREE NO. 123/2020/ND-CP AND THE CIRCULAR NO. 78/2021/TT-BTC

● Master. **HO THI BICH NHON**

● Master. **TRAN MINH NGOC**

● Master. **TRAN DINH SON ANH MINH**

Ho Chi Minh City Open University

ABSTRACT:

This paper presents new points in the process of shifting towards e-invoices. This paper also points out the differences between the Circular No. 78/2021/TT-BTC and the Circular No. 32/2011/TT-BTC to help enterprises handle specific arising situations in accordance with the guidelines of the Decree No. 123/2020/ND-CP and the Circular No. 78/2021/TT-BTC.

Keywords: e-invoice, the Decree No. 123/2020/ND-CP, the Circular No. 78/2021/TT-BTC.